

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 219/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 14 - 11 - 2019
V/v: “Ly hôn giữa chị B và anh L”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Văn Thung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thế Quang;

Ông Lê Văn Hùng.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên toà:** Bà Mai Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 176/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2019/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị B, sinh năm 1990; địa chỉ: Xóm 14, xã T, huyện X, tỉnh Nam Định.

2. *Bị đơn:* Anh Đỗ Duy L, sinh năm 1985; địa chỉ: Xóm 14, xã T, huyện X, tỉnh Nam Định.

3. *Người làm chứng:* Ông Đỗ Duy L, sinh năm 1962; địa chỉ: Xóm 14, xã T, huyện X, tỉnh Nam Định.

(Chị B có đơn xin xét xử vắng mặt, ông L vắng mặt; anh L vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/8/2019, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Ngô Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Duy L tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện X, tỉnh Nam Định vào ngày 29/01/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được mấy tháng thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do tính tình, lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm. Ngoài ra còn do anh L ham chơi mắc tệ nạn xã hội, không quan tâm chăm lo cho gia đình, chị và hai bên gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị và anh Cảnh sống ly thân từ lâu, không quan tâm đến nhau. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh L, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên chị xin được ly hôn anh L.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Chị không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn là anh L đã được Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy báo đến Tòa án làm việc nhưng đều vắng mặt không có lý do cũng không có văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị B.

Người làm chứng là ông Đỗ Duy L trình bày: Ông là bố đẻ của anh L. Việc anh L và chị B tự nguyện kết hôn cũng như diễn biến cuộc sống chung của vợ chồng như chị B trình bày là đúng. Anh L đang đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có về nhà và vẫn thường xuyên liên lạc với ông. Sau khi nhận Thông báo thụ lý vụ án và các giấy báo của Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường đối với anh L, ông đều thông báo ngay cho anh L biết nhưng anh L bận không thể về Tòa án làm việc được và nhất trí với những lời trình bày cũng như ý kiến của chị B xin ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, bị đơn chưa chấp hành đúng nghĩa vụ tham gia tố tụng. Về nội dung: Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B đối với anh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị B và anh L được xác lập từ ngày 29/01/2010. Cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do tính tình, lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm và do anh L ham chơi mắc vào tệ nạn xã hội, không quan tâm đến gia đình. Nay chị B xin ly hôn, anh L mặc dù đã biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án và nhiều lần Tòa án báo gọi đến Tòa án làm việc nhưng không đến cũng không có quan điểm gửi đến Tòa án. Điều này chứng tỏ anh L không còn thiết tha cuộc sống vợ chồng với chị B. Hơn nữa chị B và anh L đã và đang sống ly thân gần nhau. Như vậy anh chị đã không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình là vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống, yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B đối với anh L.

[3] Về nuôi con chung: Chị B và anh L không có con chung.

[4] Về tài sản chung: Dương sự không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị B phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Ngô Thị B và anh Đỗ Duy L.

2. Về án phí: Chị Ngô Thị B phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ đã nộp theo Biên lai thu số 0001615

ngày 29/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, chị Ngô Thị B đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Ngô Thị B, anh Đỗ Duy L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Thung